TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Hoàng Bảy**.

Bà **Tăng Thị Bạch Vân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Nhặn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Huỳnh Thanh T**, sinh ngày 31/3/1996 – CCCD số XX; Nơi cư trú: Số nhà A, phường B, tỉnh Vĩnh Long; (vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Võ Ngọc S**, sinh ngày 22/3/1991 – CCCD số YY; Nơi cư trú: Ấp C, xã N, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Thanh T trình bày:***

Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Ngọc S quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu sau đó vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay thuộc UBND xã N, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37, cấp ngày: 14/6/2024. Trong quá trình chung sống vợ chồng có con chung tên Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 hiện nay đang sống chung với bà Nguyễn Huỳnh Thanh T tại Số nhà A, phường B, tỉnh Vĩnh Long. Đối với con chung do thời gian sống chung như vợ chồng, nên con chung khi tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn không đủ điều kiện để ghi tên cha trong các giấy.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân

không còn hạnh phúc cùng với cách nhìn nhận cuộc sống không còn phù hợp dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng không thành. Từ năm 2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Huỳnh Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Ngọc S.

- Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 đến khi thành niên và yêu cầu ông Võ Ngọc S phải cấp dưỡng nuôi một người con con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho đến khi con chung thành niên. Cả hai con là 5.000.000 đồng trên tháng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Huỳnh Thanh T đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau:

+ Căn cước công dân mang tên Nguyễn Huỳnh Thanh T (chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 37 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày: 14/6/2024.

+ Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 (bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 22/5/2026, bà Nguyễn Thanh Tuyền rút lại yêu cầu cấp dưỡng cho con. Bên cạnh đó, bà Nguyễn Huỳnh Thanh T đã có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Võ Ngọc S. Nhưng ông Võ Ngọc S thường xuyên không có mặt tại nhà và không có người thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Võ Ngọc S không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Thanh T vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong đó vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Võ Ngọc S; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 đến khi thành niên. Rút lại yêu cầu và yêu cầu ông Võ Ngọc S phải cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho

đến khi thành niên. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề gì.

* Bị đơn ông Võ Ngọc S được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/4/2026, bà Nguyễn Huỳnh Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng với ông Võ Ngọc S có nơi cư trú tại ấp Số 10, Ấp C, xã N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét về việc rút lại một phần yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút lại là hoàn toàn tự nguyện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân nên được chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con chung.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không phải tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[4] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Võ Ngọc S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Huỳnh Thanh T, ông Võ Ngọc S.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Nguyễn Huỳnh Thanh T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Huỳnh Thanh T cùng ông Võ Ngọc S tự nguyện kết hôn và tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày: 14/6/2024. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Ngọc S là hợp pháp kể từ ngày 14/6/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh Thanh T ông Võ Ngọc S chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu sau đó mâu thuẫn và dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Theo bà

Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được do vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc cùng với cách nhìn nhận cuộc sống không còn phù hợp dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Bên cạnh đó bà Nguyễn Huỳnh Thanh T không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Võ Ngọc S, cũng như bà đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và ông Võ Ngọc S vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải trước khi xét xử cũng như hòa giải tại phiên tòa để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Thanh T cho bà Nguyễn Huỳnh Thanh T được ly hôn với ông Võ Ngọc S.

[5.2] Về con chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh Thanh T và ông Võ Ngọc S có một người con chung tên Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 do bà Nguyễn Huỳnh Thanh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét lời trình bày của bà Nguyễn Huỳnh Thanh T về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng với ông Nguyễn Ngọc Sơn và Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 (bản sao) đối chiếu với Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N, huyện K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày: 14/6/2024 cũng như các quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại Điều 88 xác định cha, mẹ và Điều 89 xác định con cũng như quy định của Luật Hộ tịch tại Điều 3, Điều 25, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng đến năm 2025 mới sống ly thân khi các cháu: Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 đăng ký khai sinh vào ngày 02/4/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 đăng ký ngày 27/9/2021 không thực hiện các thủ tục xác định cha cho các cháu vào thời điểm trên cũng như thời điểm đăng ký kết hôn ngày 14/6/2024. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến mặc dù thông qua số điện thoại cá nhân 0763493329 do nguyên đơn cung cấp thì cán bộ Tòa án vẫn liên lạc được. Ngoài lời trình bày ra nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc này ông Võ Ngọc S là cha của các cháu. Vì vậy việc xác định hai cháu Nguyễn Ngọc T. A, sinh ngày 23/02/2018 và Nguyễn Ngọc T. Q, sinh ngày 29/7/2021 là con chung của bà Nguyễn Huỳnh Thanh T với ông Nguyễn Ngọc Sơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không thể xác định được. Tuy nhiên bà Nguyễn Huỳnh Thanh T được quyền khởi kiện hoặc thực hiện các trình tự thủ tục xác định cha cho con theo quy định tại cơ quan có thẩm quyền. Do hiện tại các cháu vẫn đang sống với nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng Hội đồng xét xử ghi nhận việc này.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định không tranh chấp do đã thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Huỳnh Thanh T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Huỳnh Thanh T, ông Võ Ngọc S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 235 khoản 2 Điều 244 và Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2020; Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huỳnh Thanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T được ly hôn với ông Võ Ngọc S.

2/ Về con chung: Dành quyền cho bà Nguyễn Huỳnh Thanh T khởi kiện hoặc thực hiện các trình tự thủ tục xác định cha cho con theo quy định tại cơ quan có thẩm quyền.

3/ Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng cho con chung. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T xác định không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007792, ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy bà Nguyễn Huỳnh

Thanh T đã thực hiện xong. Ông Võ Ngọc S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Huỳnh Thanh T, ông Võ Ngọc S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- P.GĐKT, TTr &THA TAND TP.CT;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- THADS Cần Thơ;
- UBND xã N (Giấy CNKH số 37 cấp ngày 14/6/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc